

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hội Thứ XIII

QUYỂN 589

Phẩm AN NHÃN BA-LA-MẬT-ĐA

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với đại chúng Bí-sô một ngàn hai trăm năm mươi vị ở rừng Thệ-đa, vườn Cấp cô độc, thành Thất-la-phiệt. Bấy giờ, Thế Tôn dạy Cụ thọ Mãn Từ Tử:

–Bây giờ, ông nên vì các Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột mà tuyên thuyết An nhãn ba-la-mật-đa.

Vâng lời Phật dạy, nương thần lực Phật, Mãn Từ Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát nào muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với hữu tình dù bị các lời nói mắng chửi, hủy báng đều phải nhẫn chịu, không nên khởi tâm giận dữ, oán hận, phải khởi tâm Từ bi để báo ân đức với họ. Bồ-tát như vậy là đối với An nhãn ba-la-mật-đa có lòng tin ưa sâu xa. Tùy theo sự phát khởi tâm an nhãn, hồi hướng cầu đến trí Nhất thiết trí. Đại Bồ-tát này có thể trụ An nhãn ba-la-mật-đa.

Lúc đó, Xá-lợi Tử liền hỏi Cụ thọ Mãn Từ Tử:

–Sự tu an nhãn của các Bồ-tát và sự tu an nhãn của chúng Thanh văn, có gì khác nhau?

Mãn Từ Tử đáp:

–Sự tu an nhãn của các Thanh văn gọi là ít phần, đối tượng để tu tập không được viên mãn lắm. Sự tu an nhãn của các Bồ-tát gọi là toàn phần, đối tượng để tu tập rất là viên mãn. Nghĩa là an nhãn của các Bồ-tát vô lượng; vì muốn vô lượng hữu tình được lợi ích an lạc nên mặc áo giáp an nhãn, lập thề nguyện: “Ta phải độ thoát vô lượng hữu tình, đều làm cho họ xa lìa khổ, chứng an lạc Niết-bàn.” Nên gọi là an nhãn của Bồ-tát vô lượng. An nhãn của Thanh văn, chỉ vì muốn xả bỏ phiền não tự thân, không vì hữu tình. Cho nên gọi là an nhãn ít phần. Không giống như an nhãn của Đại Bồ-tát nhiều vô lượng. Vì các Bồ-tát không xa lìa An nhãn ba-la-mật-đa. Cho nên gọi là an nhãn toàn phần. Đối với Bồ-tát nào khởi tâm không thanh tịnh, tâm không cam nhẫn chịu tổn hoại, nên biết vị ấy bị vô lượng tội chẳng phải đối với Thanh văn, Độc giác thừa... cho nên an nhãn của Bồ-tát là tối thắng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nếu như bị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quở trách thì tâm không hờn giận. Cũng vậy, nếu bị kẻ hàng thịt, người gánh thầy chết hoặc các hữu tình hèn hạ khác mắng nhiếc, hủy báng, cũng không khởi tâm giận dữ, hiềm hận, báo thù, dù chỉ trong giây lát. Bồ-tát như vậy hộ trì An nhãn ba-la-mật-đa, mau được viên mãn, không bao lâu chứng đắc trí Nhất thiết trí. Bồ-tát như vậy tu học An nhãn ba-la-mật-đa, dần dần được rốt ráo, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu Đại Bồ-tát an trú, hộ trì An nhãn ba-la-mật-đa như thế, mới kham chịu sự mắng chửi, hủy nhục của người khác. Tâm vị ấy như núi Diêu cao không lay động, tăng trưởng công đức thiện căn, khó bị hoại, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, làm lợi ích an lạc cho khắp

thế gian.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử liền hỏi Cụ thọ Mãn Từ Tử:

–Nếu khi Đại Bồ-tát tu an nhẫn, có hai người đến chỗ Bồ-tát. Một người vì thiện tâm nên đem bột thơm chiên-đàn xoa thân. Một người vì ác tâm, nên đem lửa đốt thân. Bồ-tát đối với những người kia nên khởi tâm gì?

Mãn Từ Tử đáp:

–Đại Bồ-tát này vì muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nên đối với người thứ nhất không khởi tâm ưa thích, đối với người thứ hai không khởi tâm tức giận. Phải khởi tâm bình đẳng đối với cả hai, đều muốn lợi ích an lạc hoàn toàn. Như vậy, Đại Bồ-tát hành An nhẫn ba-la-mật-đa nên trụ An nhẫn ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát hành An nhẫn ba-la-mật-đa, trụ An nhẫn ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát hành đúng pháp, Bồ-tát không điên đảo, an trụ tịnh độ của Bồ-tát không điên đảo. Đại Bồ-tát như vậy đối với hữu tình không nên phát khởi tâm giận dữ, không nên phát khởi tâm hiềm hận, không nên phát khởi tâm báo thù. Chúng Đại Bồ-tát như thế đối với hữu tình được viên mãn an nhẫn, viên mãn xứng tán, viên mãn nhu hòa, viên mãn ý lạc. Đối với tất cả chỗ đều khởi lòng Từ, không phần nộ, không hiềm hận. Như vậy, nếu các hữu tình khác đến chỗ của các Đại Bồ-tát mà đem lòng oán hại, muốn đánh, muốn trói, hủy nhục, trách mắng, đều an nhẫn được, tâm không báo thù.

Như vậy, các hữu tình khác muốn đến chỗ chúng Đại Bồ-tát gây sự tranh đấu, không muốn lợi ích. Đối với những người kia Bồ-tát khởi tâm hòa hảo, dùng lời lẽ nhẹ nhàng xin lỗi, khiến cho người kia dứt tâm độc hại. Bấy giờ, Bồ-tát suy nghĩ như vậy: “Hữu tình này đến chỗ ta muốn gây sự, tranh đấu, không muốn lợi ích. Khi ta chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nên vì họ mà tuyên dương pháp không sâu xa, để họ chấm dứt tất cả sự tranh đấu.”

Nghĩa là vì họ tuyên dương tánh không của sắc uẩn đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của thọ, tưởng, hành, thức đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của nhãn xứ đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của sắc xứ đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của nhãn giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của sắc giới đều hoàn toàn như huyễn hóa.

Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của nhãn thức giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của nhãn xúc đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của địa giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của nhân duyên đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp đã sinh từ các duyên đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của vô minh đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh không của Dục giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh không của Sắc giới, Vô sắc giới hoặc vô lậu giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu, khiến cho người kia nghe rồi, tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Như vậy, Bồ-tát suy nghĩ: “Khi ta chứng quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp như thế cho các hữu tình, khiến cho họ dứt hẳn tất cả tranh đấu, tâm họ bình đẳng như hư không.

Do đây, Bồ-tát có được thân tướng trang nghiêm của Đại sĩ, tất cả hữu tình thấy đều hoan hỷ, làm lợi ích cho nhau, cho đến lúc chứng đắc Niết-bàn thanh tịnh, xa lìa các hý luận, hoàn toàn an lạc.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử:

–Hai loại an nhẫn của Bồ-tát và Thanh văn, nên biết loại nào rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng?

Mãn Từ Tử liền hỏi lại Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Tôi đem việc hiện tại hỏi lại Tôn giả, trả lời theo ý của Tôn giả.

Xá-lợi Tử đáp:

–Tùy theo các câu hỏi, tôi sẽ đáp.

Mãn Từ Tử hỏi:

–Lưỡi cày bằng sắt ở thế gian và vàng ở châu Thiệm-bộ. Hai loại kim loại đó, loại nào sáng hơn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng?

Xá-lợi Tử đáp:

–Độ sáng của lưỡi cày sắt ở thế gian làm sao sánh nổi vàng ròng ở châu Thiệm-bộ này. Nghĩa là độ sáng của vàng ròng ở châu Thiệm-bộ sáng hơn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn.

Mãn Từ Tử nói:

–An nhẫn của Thanh văn giống như độ sáng của lưỡi cày sắt ở thế gian. An nhẫn của Bồ-tát giống như độ sáng vàng ròng ở châu Thiệm-bộ. Nên biết tướng của hai loại an nhẫn hơn kém có khác nhau. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì an nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán sát sắc uẩn cho đến thức uẩn, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, người sống, người chết, người nuôi, người nam, người nhận, người làm, người biết, người thấy... An nhẫn của hàng Bồ-tát thừa, cũng quán sát sắc uẩn cho đến thức uẩn hoàn toàn không tự tánh nhưng đưa đến phát khởi sự không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh từ xưa nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán nhãn xứ cho đến ý xứ, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, người sống, người chết, người nuôi, người nam, người thọ, người làm, người biết, người thấy... An nhẫn của hàng Bồ-tát thừa, cũng quán nhãn xứ cho đến ý xứ, hoàn toàn không tự tánh nhưng đưa đến phát khởi sự không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh xưa nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán sắc xứ cho đến pháp xứ, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, người sống, người chết, người nuôi, người nam, người nhận, người làm, người biết, người thấy... An nhẫn của hàng Bồ-tát thừa, cũng quán sắc xứ cho đến pháp xứ, hoàn toàn không tự tánh nhưng đưa đến phát khởi sự không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh xưa nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán nhãn giới cho đến ý giới, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, người sống, người chết, người nuôi, người nam, người nhận, người làm, người biết, người thấy... An nhẫn của hàng Bồ-tát thừa, cũng quán nhãn giới cho đến ý giới, hoàn toàn không tự tánh nhưng đưa đến phát khởi sự không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh từ xưa nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán sắc giới cho đến pháp giới, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, người sống, người chết, người nuôi, người nam, người nhận, người làm, người biết, người thấy... An nhẫn của hàng Bồ-tát thừa, cũng quán sắc giới cho đến pháp giới, hoàn toàn không tự tánh nhưng đưa đến phát khởi sự không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh từ xưa nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán nhãn thức giới cho đến ý thức giới, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, người sống, người chết, người nuôi, người nam, người nhận, người làm, người biết, người thấy... An nhẫn của hàng Bồ-tát thừa, cũng quán nhãn thức giới cho đến ý thức giới, hoàn toàn không tự tánh nhưng đưa đến phát khởi sự không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh từ xưa nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán nhãn xúc cho đến ý xúc, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, người sống, người chết, người nuôi, người nam, người nhận, người làm, người biết, người thấy... An nhẫn của hàng Bồ-tát thừa, cũng quán nhãn xúc cho đến ý xúc, hoàn toàn không tự tánh nhưng đưa đến phát khởi sự không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh từ xưa nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, người sống, người chết, người nuôi, người nam, người nhận, người làm, người biết, người thấy... An nhẫn của hàng Bồ-tát thừa, cũng quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoàn toàn không tự tánh nhưng đưa đến phát khởi sự không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh từ xưa nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán địa giới cho đến thức giới, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, người sống, người chết, người nuôi, người nam, người nhận, người làm, người biết, người thấy... An nhẫn của hàng Bồ-tát thừa, cũng quán địa giới cho đến thức giới, hoàn toàn không tự tánh nhưng đưa đến phát khởi sự không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh từ xưa nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán vô minh cho đến lão tử, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, người sống, người chết, người nuôi, người nam, người nhận, người làm, người biết, người thấy... An nhẫn của hàng Bồ-tát thừa, cũng quán vô minh cho đến lão tử, hoàn toàn không tự tánh nhưng đưa đến phát khởi sự không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh từ xưa nay... cho nên an nhẫn của Bồ-tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tốt. Có kẻ oán tặc đến chặt tay chân ra từng chi tiết. Đại Bồ-tát này suy nghĩ: “Có thể biết được số lượng cát ở sông Hằng nhưng số lượng thân thể khó mà biết được. Nếu thân thể bị chặt và người chặt đều thuộc về sắc thì khó biết được số lượng bị phân chia. Thân thể đã bị phân tán ra từng phần rất nhỏ. Sao lại duyên nơi đây mà sinh tâm sân hận?” Đại Bồ-tát này quán ý nghĩa như vậy, dù gặp phải oán tặc mổ xẻ thân thể ra từng chi tiết mà vẫn nhận chịu, hoàn toàn không có sân hận, báo thù. Các Bồ-tát này tùy theo sự phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu đến trí Nhất thiết trí, hộ trì An nhẫn ba-la-mật-đa. Như vậy nên biết các Đại Bồ-tát thường không xả ly An nhẫn ba-la-mật-đa trong tất cả thời gian.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tốt. Có người đến đánh đập mắng chửi, Đại Bồ-tát này suy nghĩ: “Có thể biết được số lượng cát ở sông Hằng, còn tội lỗi nơi thân ta khó biết được. Nghĩa là từ vô thủy đến nay khởi các phiền não ác nghiệp, lý sự ác hại mà chư Phật, Hiền thánh cùng nhau quở trách. Nay, người này có đến đánh đập mắng chửi cũng chưa bằng một phần trăm, một phần ngàn cho đến một phần muôn ức. Sao lại duyên nơi đây mà sinh sân hận?” Đại Bồ-tát này quán ý nghĩa như vậy, dù có người đến đánh đập mắng chửi, nhưng nhận chịu, hoàn toàn không có tâm sân hận, báo thù. Các Bồ-tát này tùy theo sự phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu đến trí Nhất thiết trí, hộ trì An nhẫn ba-la-mật-đa. Như vậy nên biết các Đại Bồ-tát thường không xả ly An nhẫn ba-la-mật-đa trong tất cả thời gian.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tốt, có oán tặc đến cướp đoạt tài sản. Đại Bồ-tát này nên suy nghĩ: “Tài sản như vậy, bản chất đều không, không có sự lệ thuộc. Sao lại duyên nơi đây mà sinh sân hận.” Đại Bồ-tát này quán sát ý nghĩa như vậy, dù gặp oán tặc cướp đoạt tài sản nhưng tâm hoàn toàn không sân hận, oán thù. Các Bồ-tát này tùy theo sự phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu đến trí Nhất thiết trí, hộ trì An nhẫn ba-la-mật-đa. Như vậy nên biết chúng Đại Bồ-tát thường không xả ly An nhẫn ba-la-mật-đa trong tất cả thời gian.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tốt, nên tu tâm mình để giống như đất, nước, lửa, gió, hư không...

Xá-lợi Tử hỏi:

–Tại sao chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tốt phải tu tâm mình để giống như với đất, nước, lửa, gió, hư không...

Mãn Từ Tử đáp:

–Nếu các Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tốt nên tu tâm mình để cho giống như đại địa, đại thủy, đại hỏa, đại phong, hư không, không có sự phân biệt.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Tại sao chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tốt phải tu tâm mình để giống như đại địa không có sự phân biệt?

Mãn Từ Tử đáp:

–Ví như đại địa, tuy đem sắc, hương, vị, xúc tốt đẹp để vào trong đó, nhưng đất hoàn toàn không sinh tâm vui mừng, yêu thích cao độ. Tuy dùng sắc, hương, vị, xúc xấu xí ném vào trong đó, nhưng đất hoàn toàn không sinh tức giận, buồn rầu. Chúng Đại Bồ-tát như vậy, tuy gặp các cảnh ưa thích nhưng không sinh tâm vui mừng, yêu thích cao độ. Tuy gặp các cảnh buồn bực, nhưng không sinh tâm tức giận, buồn rầu. Vì tánh an nhẫn tịnh tín luôn luôn hiện ngay trước mặt, giống như tánh bình đẳng của đại địa mà lưu chuyển. Cho nên nói chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tốt nên tu tâm

mình giống như đại địa, không có phân biệt.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Tại sao chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột phải tu tâm mình để giống như đại thủy, không có phân biệt?

Mãn Từ Tử đáp:

–Ví như đại thủy, tuy đem sắc, hương, vị, xúc tốt đẹp để trong đó nhưng nước hoàn toàn không sinh tâm vui mừng, yêu thích cao độ. Tuy dùng sắc, hương, vị, xúc xấu xí ném vào trong đó, nhưng nước hoàn toàn không sinh tức giận, buồn rầu. Chúng Đại Bồ-tát như vậy, tuy gặp các cảnh ưa thích nhưng không sinh tâm vui mừng, yêu thích cao độ. Tuy gặp các cảnh buồn bực, nhưng không sinh tâm tức giận, buồn rầu. Vì tánh an nhẫn tịnh tín luôn luôn hiện ngay trước mặt, giống như tánh bình đẳng của đại thủy mà lưu chuyển. Nên nói, chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên tu tâm mình giống như đại thủy, không có phân biệt.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Tại sao chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột phải tu tâm mình để giống như đại hỏa, không có sự phân biệt?

Mãn Từ Tử đáp:

–Ví như đại hỏa, tuy đem sắc, hương, vị, xúc tốt đẹp để trong đó nhưng lửa hoàn toàn không sinh tâm vui mừng, yêu thích cao độ. Tuy dùng sắc, hương, vị, xúc xấu xí ném vào trong đó, nhưng lửa hoàn toàn không sinh tức giận, buồn rầu. Chúng Đại Bồ-tát như vậy, tuy gặp các cảnh ưa thích nhưng không sinh tâm vui mừng, yêu thích cao độ. Tuy gặp các cảnh buồn bực, nhưng không sinh tâm tức giận, buồn rầu. Vì tánh an nhẫn tịnh tín luôn luôn hiện ngay trước mặt, giống như tánh bình đẳng của đại hỏa mà lưu chuyển. Nên nói, chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên tu tâm mình giống như đại hỏa, không có phân biệt.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Tại sao chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột phải tu tâm mình để giống như đại phong không có phân biệt?

Mãn Từ Tử đáp:

–Ví như đại phong, tuy đem sắc, hương, vị, xúc tốt đẹp để trong đó nhưng gió hoàn toàn không sinh tâm vui mừng, yêu thích cao độ. Tuy dùng sắc, hương, vị, xúc xấu xí ném vào trong đó, nhưng gió hoàn toàn không sinh tức giận, buồn rầu. Chúng Đại Bồ-tát như vậy, tuy gặp các cảnh ưa thích nhưng không sinh tâm vui mừng, yêu thích cao độ. Tuy gặp các cảnh buồn bực, nhưng không sinh tâm tức giận, buồn rầu. Vì tánh an nhẫn tịnh tín luôn luôn hiện ngay trước mặt, giống như tánh bình đẳng của đại phong mà lưu chuyển. Nên nói, chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên tu tâm mình giống như đại phong, không có phân biệt.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Tại sao chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột phải tu tâm mình để giống như hư không, không có phân biệt?

Mãn Từ Tử đáp:

–Ví như hư không, tuy đem sắc, hương, vị, xúc tốt đẹp để trong đó nhưng hư không hoàn toàn không sinh tâm vui mừng, yêu thích cao độ. Tuy dùng sắc, hương, vị, xúc xấu xí ném vào trong đó, nhưng hư không hoàn toàn không sinh tức giận, buồn rầu. Chúng Đại Bồ-tát như vậy, tuy gặp các cảnh ưa thích nhưng không sinh tâm vui mừng, yêu

thích cao độ. Tuy gặp các cảnh buồn bực, nhưng không sinh tâm tức giận, buồn rầu. Vì tánh an nhẫn tịnh tín luôn luôn hiện ngay trước mặt, giống như tánh bình đẳng của hư không mà lưu chuyển. Nên nói, chúng Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên tu tâm mình giống như hư không, không có phân biệt.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử liền hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Hư không vô vi nên chúng Bồ-tát cũng bị lệ thuộc bởi vô vi hay sao?

Mãn Từ Tử đáp:

–Chẳng phải chúng Bồ-tát bị lệ thuộc bởi vô vi, nhưng do các Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán sát thân tâm cùng bình đẳng với hư không, khiến cho đối với cảnh giới không có phân biệt. Tu An nhẫn ba-la-mật-đa thâm thâm. Nghĩa là các Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo quán sát thân tâm không tánh, vô ngại cùng bình đẳng với hư không. Lãnh chịu mọi thứ xúc chạm bằng đao, trượng... Đại Bồ-tát như vậy, dùng phương tiện thiện xảo, nương tựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán sát thân tâm bình đẳng với hư không để hộ trì An nhẫn ba-la-mật-đa.

Giả sử đang luôn luôn nhẫn nhục, chịu đựng lửa dữ ở địa ngục, đao trượng ở địa ngục và những khổ não bức bách khác nơi thân mà tâm kia vẫn bình đẳng không biến không động. Đại Bồ-tát như thế là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa hộ trì Bát-nhã ba-la-mật-đa quán sát thân tâm bình đẳng như hư không. Lãnh chịu các khổ không biến không động. Đại Bồ-tát như vậy lãnh chịu các khổ không biến, không động, tức là An nhẫn ba-la-mật-đa.

Như vậy, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi gặp những nỗi khổ nặng nề, nên nghĩ như vậy: “Ta từ sinh tử vô thủy đến nay, tuy chịu nhiều nỗi khổ đau đớn nơi thân tâm, nhưng do nỗi khổ này, biết đâu đắc quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán, quả Độc giác Bồ-đề hướng chi do khổ này chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Nay thân tâm ta chịu nhiều khổ sở, là vị lợi ích các hữu tình, cho nên nhất định chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì vậy, bây giờ, ta nên hoan hỷ lãnh thọ.” Đại Bồ-tát như vậy, quán nghĩa này, tuy chịu nhiều khổ sở nhưng phát sinh tăng trưởng sức nhẫn nhục, lãnh thọ một cách hoan hỷ.

Lại nữa Xá-lợi Tử, ví như có người ăn món ăn có trăm vị, thân tâm sáng khoái, sinh lòng hoan hỷ hơn. Bồ-tát cũng vậy, thấy người đến xin, hoặc xin của cải, hoặc xin từng phần nơi thân. Nên nhân đó mà bố thí, chịu đựng các nỗi khổ, nhẫn nhục lãnh thọ một cách hoan hỷ làm cho thân tâm được sáng khoái. Niềm khoái lạc ấy hơn trước gấp trăm ngàn lần.

Lại nữa Xá-lợi Tử, như nhìn thấy Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tuy A-la-hán lậu đã tận nhưng vẫn sinh tâm hoan hỷ, cung kính tin tưởng, thù thắng hơn. Đại Bồ-tát cũng vậy, thấy người đến xin, hoặc xin của cải, hoặc xin từng phần nơi thân, vẫn sinh tâm hoan hỷ, cung kính, tin tưởng thù thắng hơn. Nhẫn nhục, lãnh thọ những điều oán gia, oán hại, mắng chửi, hủy nhục đủ các thứ khổ nặng nề của kẻ kia. Tùy theo lúc mà phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu trí Nhất thiết trí. Đại Bồ-tát như vậy, do tùy theo lúc phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu đến trí Nhất thiết trí, thường không xa lìa sự tu An nhẫn ba-la-mật-đa luôn luôn làm lợi ích lớn cho các hữu tình, không để gián đoạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với các hữu tình nên tu an nhẫn, bị đánh không đánh trả, bị mạ nhục không mạ nhục lại, bị hủy báng không hủy báng lại, bị sân nhuế không sân nhuế lại, bị quở trách không quở trách lại, bị phẫn hận không phẫn hận lại, bị khùng bố không khùng bố lại, bị hại không

hại lại. Đối với các việc ác đều nhẫn nhục lãnh chịu. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát này thường không xả ly tâm trí Nhất thiết, đối với các hữu tình muốn làm lợi ích. Nếu các Đại Bồ-tát thường không xả ly tâm trí Nhất thiết, đối với các hữu tình muốn làm lợi ích lớn, giả sử thân bị mâu giáo đâm ngàn mũi nhưng trong tâm không khởi một niệm báo thù. Đối với người kia, thường sinh an nhẫn tịnh tín.

Chúng Đại Bồ-tát như thế tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa đối với các hữu tình làm lợi ích lớn, nhất định sẽ được sắc thân vàng ròng, tướng hảo trang nghiêm, người thấy hoan hỷ. Vì vậy, Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát đều nên tinh tấn tu sức an nhẫn, nhẫn nhục, lãnh thọ tất cả các nỗi khổ oan gia báo hại.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành sức an nhẫn, nhẫn nhục, lãnh thọ các nỗi khổ thì hộ trì An nhẫn ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này xa lìa sinh tử, thân cận trí Nhất thiết, làm lợi ích lớn cho các hữu tình.

Nếu Đại Bồ-tát ưa thích Thanh văn, hoặc Độc giác, thì nên biết Đại Bồ-tát này thoái thất An nhẫn ba-la-mật-đa của Bồ-tát. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát đem tự thân mình, lãnh chịu đầy đủ đại khổ sinh tử vô biên, nhưng không đắm trước vào những điều chỉ hay tự lợi của Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát đắm trước Thanh văn, hoặc Độc giác, nên biết Đại Bồ-tát này thoái thất việc làm của mình mà làm việc làm của người khác.

Khi ấy, Xá-lợi Tử liền hỏi Cụ thọ Mãn Từ Tử:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát làm việc làm của người khác?

Mãn Từ Tử đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát trụ ở bậc Thanh văn, hoặc bậc Độc giác, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát khởi suy nghĩ về Thanh văn, hoặc suy nghĩ về Độc giác, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát đắm trước giáo pháp ương ứng với Thanh văn, hoặc ưa thích ngôn luận tương ứng với Độc giác, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc uẩn thường, vô thường; thích quán thọ, tưởng, hành, thức uẩn thường, vô thường, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc uẩn lạc, khổ; thích quán thọ, tưởng, hành, thức uẩn lạc, khổ, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc uẩn ngã, vô ngã; thích quán thọ, tưởng, hành, thức uẩn ngã, vô ngã, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc uẩn tịnh, bất tịnh; thích quán thọ, tưởng, hành, thức uẩn tịnh, bất tịnh, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn xứ thường, vô thường; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thường, vô thường, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn xứ lạc, khổ; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ lạc, khổ, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn xứ ngã, vô ngã; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ngã, vô ngã, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn xứ tịnh, bất tịnh; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tịnh, bất tịnh, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc xứ thường, vô thường; thích quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thường, vô thường, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc xứ lạc, khổ; thích quán thanh,

hương, vị, xúc, pháp xứ lạc, khổ, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc xứ ngã, vô ngã; thích quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ngã, vô ngã, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc xứ tịnh, bất tịnh; thích quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tịnh, bất tịnh, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn giới thường, vô thường; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới thường, vô thường, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn giới lạc, khổ; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới lạc, khổ, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn giới ngã, vô ngã; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới ngã, vô ngã, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn giới tịnh, bất tịnh; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới tịnh, bất tịnh, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc giới thường, vô thường; thích quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới thường, vô thường, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc giới lạc, khổ; thích quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới lạc, khổ, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc giới ngã, vô ngã; thích quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới ngã, vô ngã, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán sắc giới tịnh, bất tịnh; thích quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới tịnh, bất tịnh, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn thức giới thường, vô thường; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới thường, vô thường, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn thức giới lạc, khổ; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới lạc, khổ, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn thức giới ngã, vô ngã; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới ngã, vô ngã, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác. Nếu Đại Bồ-tát nào thích quán nhãn thức giới tịnh, bất tịnh; thích quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới tịnh, bất tịnh, thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của người khác.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử liền hỏi Mãn Từ Tử:

–Sao gọi là Bồ-tát làm việc làm của mình?

Mãn Từ Tử đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát nào tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí thì Đại Bồ-tát này làm việc làm của mình. Nếu Đại Bồ-tát nào tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa thì không thuận tiện cho tất cả ác ma. Ví như đối với các loài rùa, ba ba thì không được thuận tiện cho dã can. Đã không được thuận tiện cho nên việc đi lại được tự tại. Chúng Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa cũng vậy, không thuận tiện cho tất cả ác ma, không được thuận tiện cho ác ma nên sự tu hành được tự tại.

Lại nữa Xá-lợi Tử, giả sử ác ma hóa tất cả hữu tình ở thế giới ba lần ngàn đều là ác ma. Cứ mỗi một ác ma đều có nhiều ma quân quyến thuộc, thứ tự trước sau kéo đến chỗ Đại Bồ-tát nhưng Đại Bồ-tát này do tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, nên không thuận tiện cho các ác ma. Không thuận tiện cho nên tu hành tự tại. Ví như đối với các loài rùa, ba ba không thuận tiện cho dã can. Không được thuận tiện cho dã can nên đi lại tự tại. Vì vậy, Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát phải nên học như vậy: “Tâm ta không nên xa lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa. Nếu tâm không xa lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa thì không thuận tiện cho tất

cả ác ma. Không thuận tiện cho ác ma nên tu hành được tự tại.”

Khi ấy, Xá-lợi Tử liền hỏi Cụ thọ Mãn Từ Tử:

–Làm thế nào Đại Bồ-tát đối với các ma sự mà biết được như thật?

Mãn Từ Tử đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát nào không thích nghe giáo pháp tương ứng với Ba-la-mật-đa, nên biết đây là các ác ma sự.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào không thích thọ trì giáo pháp tương ứng với Ba-la-mật-đa, nên biết đây là các ác ma sự.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào không thích đọc tụng giáo pháp tương ứng với Ba-la-mật-đa, nên biết đây là các ác ma sự.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào không thích suy nghĩ giáo pháp tương ứng với Ba-la-mật-đa, nên biết đây là các ác ma sự.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào không thích tu hành pháp hành tương ứng với Ba-la-mật-đa, nên biết đây là các ác ma sự.

Các Đại Bồ-tát hiểu rõ những việc này rồi, bèn suy nghĩ: “Nhất định là ác ma dùng phương tiện cản trở sự cầu trí Nhất thiết trí nơi tâm ta. Bây giờ, ta không nên tùy thuộc vào sự mong muốn kia, phải tinh cần tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa.”

Đại Bồ-tát này đối với ác ma kia, không nên sân hận, cũng không nên khởi tâm chấp nhận. Thực hành được như vậy tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này suy nghĩ: “Khi ta chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên độ thoát hữu tình dứt hẳn pháp tham, sân, si. Vì vậy, bây giờ đối với ác ma kia không nên sân hận.” Nếu khi Đại Bồ-tát nghĩ được như vậy. Bây giờ, Đại Bồ-tát hơn các ác ma, tự tại tu hành Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu lúc Đại Bồ-tát suy nghĩ tương ứng với trí Nhất thiết trí, nhưng trí này không xuất hiện thì khi đó Đại Bồ-tát suy nghĩ: “Bây giờ, ta đừng nên làm việc không đúng, vì nó khiến cho ta không nhớ trí Nhất thiết trí.” Như vậy, Bồ-tát nên tự trách tâm mình: “Ngày nay, ta đã uổng phí thời gian.”

Lúc ấy, Xá-lợi Tử liền hỏi Cụ thọ Mãn Từ Tử:

–Mức độ nào thì gọi là uổng phí thời gian?

Mãn Từ Tử đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa, hiện hành một ngày, không nhớ nghĩ trí Nhất thiết trí, không hồi hướng về trí Nhất thiết trí, thì Đại Bồ-tát này uổng phí ngày giờ, hao tổn kết quả ngày giờ. Nếu Đại Bồ-tát nào đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa, hiện hành theo từng ngày thứ nhất, ngày thứ hai, hoặc ngày thứ ba mà có thể nhớ nghĩ đến trí Nhất thiết trí và hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Đại Bồ-tát này tuy có sai phạm nhưng được gọi là có kết quả từng một ngày.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử:

–An nhẫn Bồ-tát cùng với an nhẫn A-la-hán có khác nhau không?

Mãn Từ Tử đáp:

–Bây giờ, tôi hỏi lại Tôn giả: Núi Diệu cao cùng với hạt cải, lớn nhỏ, cao thấp, nặng nhẹ khác nhau như thế nào?

Xá-lợi Tử đáp:

–Khác nhau rất xa.

Mãn Từ Tử nói:

–An nhẫn Bồ-tát cùng với an nhẫn A-la-hán cũng lại như vậy, không nên hỏi làm

gì.

Lại nữa Xá-lợi Tử, ý ông thế nào? Nước trong biển lớn, nước nơi đầu một sợi lông thì nước nơi nào nhiều hơn?

Xá-lợi Tử đáp:

–Nước trong biển lớn nhiều hơn nước nơi đầu một sợi lông cả trăm phần, ngàn phần cho đến muôn ức phần cũng chưa sánh bằng một phần nhỏ số lượng kia.

Mãn Từ Tử:

–An nhãn Bồ-tát đối với an nhãn A-la-hán cũng lại như vậy. Trăm phần, ngàn phần cho đến muôn ức phần cũng chưa sánh bằng một phần nhỏ số lượng kia. Vì vậy không nên hỏi như thế.

Lúc bấy giờ, Phật khen ngợi Mãn Từ Tử:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói. Ông nương oai lực của Phật khéo thuyết An nhãn ba-la-mật-đa. Nếu lấy nhãn của Đại Bồ-tát, số lượng nhãn kia mà so với lượng nhãn của Thanh văn, Độc giác thì là muốn lấy nhãn của Như Lai, số lượng nhãn kia mà so với lượng nhãn của Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Vì sự thành tựu nhãn nhục của các Bồ-tát, lượng kia rất vô biên, không nên đem so sánh với lượng nhãn của Thanh văn...

Bấy giờ, Phật dạy A-nan-đà:

–Ông nên thọ trì những lời thuyết của Mãn Từ Tử về sự tu an nhãn của Đại Bồ-tát, chớ để quên mất.

A-nan-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con đã thọ trì đúng như lời Mãn Từ Tử đã thuyết về sự tu An nhãn ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát, chắc chắn không quên mất.

Khi Đức Thế Tôn thuyết kinh này rồi, Cụ thọ Mãn Từ Tử, Cụ thọ, Xá-lợi Tử, Cụ thọ A-nan-đà và các Bồ-tát, Thanh văn khác cùng với tất cả Trời, Rồng, Dược-xoa, A-tố-lạc... nghe Phật thuyết rồi đều rất hoan hỷ, tin thọ phụng hành.

□